

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112/2022/DS-PT**

Ngày: 19/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Bà Lê Thị Thanh Thái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thanh Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 102, thôn D, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 364, thôn P, xã H2, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Phạm Quốc D**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 102, thôn D, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 364, thôn P, xã H2, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:* Bà và bà Nguyễn Thị N là chỗ chị em quen biết và có chơi huê chung với nhau. Quá trình chơi huê chung với nhau do bà Nguyễn Thị N làm chủ (thủ huê), từ năm 2017 đến 2018 bà P tham gia chơi 03 phần huê sau đó bà P hốt huê thì bà Nguyễn Thị N mượn lại của bà P tổng số tiền là 125.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Ngày 20/8/2018AL bà P hốt huê (dây huê 5.000.000 đồng/tháng) được số tiền 75.000.000 đồng, bà N mượn lại của bà số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/9/2018AL bà P hốt huê (dây huê 10.000.000 đồng/tháng) được số tiền 104.400.000 đồng, bà N mượn lại của bà số tiền 55.000.000 đồng; Ngày 10/10/2018AL bà P hốt huê (dây huê 5.000.000 đồng/tháng) được số tiền 52.000.000 đồng, bà N mượn lại của bà số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền những lần mượn này, bà N nói là để đóng tiền điện, mua phân, mua rom bỏ thanh long và hứa đến tháng 12/2018AL sẽ trả cho bà P nhưng đến tháng 10/2018AL bà N thì bỏ trốn. Vì bức xúc bà P cùng với một số người làm đơn tố cáo bà N với Công an tỉnh Bình Thuận, khi làm việc với bà P và một số người nữa tại Công an tỉnh Bình Thuận bà Nguyễn Thị N thừa nhận có nợ của bà P số tiền là 520.000.000 đồng, trong đó nợ huê số tiền 400.000.000 đồng (số tiền này đã giải quyết xong), tiền nợ cá nhân là 120.000.000 đồng (đây chính là số tiền bà N mượn lại của bà P khi bà hốt huê).

Khi bà N hỏi mượn tiền vì là chỗ chị em chơi huê hụi chung với nhau tin tưởng nên bà P không viết giấy mượn tiền gì cả, nhưng việc vay mượn tiền này bà N đã thừa nhận còn nợ bà số tiền 120.000.000 đồng khi làm việc với bà P tại Công an tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án nên nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà P số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), bà P không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

** Theo các biên bản ghi lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn – Bà Nguyễn Thị N trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N không thừa nhận khoản nợ này. Bà Nguyễn Thị N trình bày vấn đề nợ nần giữa bà với bà Nguyễn Thị Kim P bà đã giải quyết xong rồi.

Đối với chứng cứ là Biên bản chứng kiến việc thỏa thuận lập tại Phòng PC01 – Công an tỉnh Bình Thuận ngày 01/3/2019 và Biên bản ghi lời khai lúc 09 giờ 00 phút ngày 04/3/2019 tại Phòng PC01 – Công an tỉnh Bình Thuận bà

Nguyễn Thị N thừa nhận là do bà ký và ghi họ tên nhưng chỉ để xác nhận là bà đã giao số tiền 100.000.000 đồng để trả cho những nguyên đơn tại buổi làm việc hôm đó mà thôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Phạm Quốc D trình bày:* Ông với bà Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng với nhau, việc bà P chơi huê, hụi với bà Nguyễn Thị N ông đều biết. Khi bà P hót huê bà N có mượn lại, tổng số tiền bà N mượn của vợ chồng ông là 125.000.000 đồng. Số tiền này bà N cũng đã thừa nhận tại Công an tỉnh Bình Thuận nhưng chỉ xác nhận có nợ số tiền 120.000.000 đồng cũng để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án nên ông cũng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà N phải trả cho vợ chồng ông số tiền 120.000.000 đồng, ông D cũng không yêu cầu tính lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Lê Văn T trình bày:* Ông với bà Nguyễn Thị N là vợ chồng với nhau, việc bà N làm huê, hụi ông có biết chút chút vì lâu lâu mưa gió ông có đi lấy tiền huê dùm cho bà N đó là những dây huê, hụi khác. Việc mua bán huê, hụi giữa các bà với nhau ông không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền nợ là 125.000.000 đồng ông T không đồng ý vì vợ chồng ông không còn nợ tiền gì của bà P cả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim P, ông Phạm Quốc D số tiền nợ là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008433 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngày 12 tháng 02 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T kháng cáo sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
 - Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
 - Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:
- + Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào “Biên bản chứng kiến việc thỏa thuận” lập lúc 08 giờ 30 phút ngày 01/3/2019 (BL 07 và BL 52) và “Biên bản ghi lời khai” lập 09 giờ 00 phút ngày 04/3/2019 (BL 55, 56) tại Phòng PC01 – Công an tỉnh Bình Thuận thì đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị N có mượn của bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 120.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ,

ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về chuyển hồ sơ vụ án: Vụ án được xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 01 năm 2022. Ngày 12 tháng 02 năm 2022, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo và ngày 15/02/2022 đã nộp đầy đủ tiền tạm ứng án phí theo quy định. Viện kiểm sát không kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Theo quy định tại Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày:*

1. Hết thời hạn kháng nghị;

2. Hết thời hạn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm”

Đến ngày 10 tháng 8 năm 2022 (sau gần **06 tháng** kể từ hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị) Tòa án cấp sơ thẩm mới chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm là vi phạm Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án nên cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T làm trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng thời gian quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật: Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chính là yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P, Hội đồng xét xử thấy:

[3.2.1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “Biên bản chứng kiến việc thỏa thuận” lập lúc 08 giờ 30 phút ngày 01/3/2019 (BL 07 và BL 52) và “Biên bản ghi lời

khai” lập 09 giờ 00 phút ngày 04/3/2019 (BL 55, 56) tại Phòng PC01 – Công an tỉnh Bình Thuận đã được bà N thừa nhận là do bà N ký. Bởi vì, khi bà N hỏi mượn tiền vì là chỗ chị em chơi huê hụi chung với nhau tin tưởng nên bà P không viết giấy mượn tiền gì cả, nhưng việc vay mượn tiền này bà N đã thừa nhận còn nợ bà số tiền 120.000.000 đồng khi làm việc với bà N tại Công an tỉnh Bình Thuận.

[3.2.2] Các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N cho rằng bà không có vay mượn tiền gì với bà Nguyễn Thị Kim P mà đó là tiền huê hụi và đã được giải quyết xong, việc bà ký vào “Biên bản chứng kiến việc thỏa thuận” lập lúc 08 giờ 30 phút ngày 01/3/2019 (BL 07 và BL 52) và “Biên bản ghi lời khai” lập 09 giờ 00 phút ngày 04/3/2019 (BL 55, 56) tại Phòng PC01 – Công an tỉnh Bình Thuận là chỉ để xác nhận cho việc bà đã giao số tiền 100.000.000 đồng để trả cho những nguyên đơn tại buổi làm việc hôm đó. Tuy nhiên, bà N cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày trên của mình là có căn cứ.

Mặt khác, biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N vào ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, bà N cho rằng số tiền này đã được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết rồi. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H nhận định “*Số tiền 125.000.000 đồng là tiền vay mượn giữa hai bà (bà P và bà N). Hội đồng xét xử tách ra giải quyết vụ án khác khi có yêu cầu*”. Như vậy, đối với yêu cầu về khoản vay này chưa được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết.

[3.2.3] Nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T phải liên đới nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho nguyên đơn. Ông Lê Văn T trình bày ông và bà Nga là vợ chồng, việc bà N có chơi huê hụi thì ông có biết chút ít, còn việc mua bán huê, hụi giữa các bà thì ông không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì vợ chồng ông không còn nợ gì bà P. Xét thấy, hiện tại bà N và ông T vẫn là vợ chồng, đang chung sống với nhau nhưng ông T cho rằng không biết khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, ông T không có chứng cứ gì chứng minh việc bà N mượn nợ để tiêu xài cá nhân. Do đó, có đủ cơ sở để buộc ông T phải liên đới nghĩa vụ với bà N trả số tiền còn thiếu cho bà P là phù hợp với các Điều 27 và 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Từ phân tích trên, thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà N và ông T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/ DS- ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim P, ông Phạm Quốc D số tiền nợ là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim P và ông Phạm Quốc D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008433 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 02 năm 2022, bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn T đã nộp mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000563 và số 0000564 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Thuận Nam;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hòa

